



kuài zi shǒu

刽子手

noun · executioner; hangman

Example Sentence

Zhè ge kuài zi shǒu lěng kù wú qíng lìng rén kǒng jù
这个刽子手 冷酷无情，令人恐惧。

This executioner is cold and ruthless, making
people fearful.

Trace each character, then write the word on your own.

刽 刽 刽 刽 刽 刽 刽 刽 刽 刽 刽

子 子 子 子 子 子

手 手 手 手 手 手